

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 983/UBND-KT

Kiên Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2021

V/v thực hiện kiến nghị của
Kiểm toán Nhà nước tại Thông
báo số 208/TB-KTNN về kiểm
toán Chương trình mục tiêu Phát
triển kinh tế - xã hội các vùng,
giai đoạn 2016 - 2020.

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được Thông báo số 208/TB-KTNN ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Kiểm toán Nhà nước thông báo kết quả kiểm toán tại tỉnh Kiên Giang (kèm theo).

Căn cứ kết luận, các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 208/TB-KTNN, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện ngay một số công việc sau:

1. Đối với kiến nghị các đơn vị được kiểm toán

a) Yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm toán tổ chức thực hiện ngay các kiến nghị về: điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và thực hiện xử lý tài chính, thu hồi nộp ngân sách, giảm thanh toán, giảm giá trị hợp đồng, tăng thu ngân sách Nhà nước theo đúng số liệu Kiểm toán Nhà nước kiến nghị.

b) Đối với hoàn ứng các khoản ứng quá hạn; UBND tỉnh đã có Công văn số 193/UBND-KT ngày 26/02/2021 về việc thu hồi các khoản tạm ứng kinh phí, vốn ngân sách; do đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện.

Về hoàn ứng các khoản ứng quá hạn tại Thông báo số 208/TB-KTNN; các cơ quan, đơn vị chủ động phối hợp với Kho bạc Nhà nước để rà soát, đối chiếu và sắp xếp nguồn kinh phí thực hiện nộp hoàn ứng các khoản ứng quá hạn; chịu trách nhiệm xử lý dứt điểm các tồn đọng, nhất là các tồn đọng đã kéo dài nhiều năm; giao Kho bạc Nhà nước Kiên Giang theo dõi, báo cáo đề xuất UBND tỉnh.

c) Các kiến nghị khác đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND huyện An Minh (Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện An Minh), Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý



Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh: yêu cầu các cơ quan, đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh, UBND huyện An Minh (Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện An Minh) tổ chức triển khai thực hiện.

2. Về công tác quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án hoàn thành: UBND tỉnh đã có nhiều chỉ đạo, nhưng các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư đã không thực hiện nghiêm các chỉ đạo của UBND tỉnh. Điều này thể hiện thiếu trách nhiệm, thiếu sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với các chủ đầu tư, ban quản lý, nhà thầu trong việc thực hiện quy định của Nhà nước về quyết toán dự án hoàn thành. Chấn chỉnh việc này, yêu cầu Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các chủ đầu tư khẩn trương chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước trong công tác quyết toán; kịp thời tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; hoàn chỉnh và gửi báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo chất lượng, thời hạn theo quy định của Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính. Đồng thời, thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ đạo của UBND tỉnh tại: Công văn số 67/UBND-KTTH ngày 14/01/2014, Công văn số 1063/UBND-KT ngày 07/8/2020, Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 22/3/2021 và các văn bản chỉ đạo khác của Trung ương, UBND tỉnh.

Các dự án, công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; yêu cầu các chủ đầu tư, cơ quan quản lý dự án công trình cân đối nguồn lực, nghiên cứu bố trí kinh phí để duy tu, bảo dưỡng công trình theo đúng quy định.

3. Về kiểm điểm rút kinh nghiệm: căn cứ kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, các chủ đầu tư, các đơn vị tham gia quản lý các dự án tổ chức thực hiện kiểm điểm rút kinh nghiệm tập thể và cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế được nêu trong thông báo kết quả kiểm toán theo đúng kiến nghị của cơ quan kiểm toán.

Đối với việc tổ chức rút kinh nghiệm trong quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư: giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan rà soát kế hoạch đầu tư trung hạn, rà soát, sắp xếp, bố trí nguồn vốn để tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt, điều chỉnh đảm bảo cho việc hoàn thành các dự án và mục tiêu của Chương trình.



5. Công tác báo cáo: căn cứ nội dung kiến nghị, chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn này, yêu cầu các sở, ngành, địa phương, đơn vị được kiểm toán tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 28/02/2022 (kèm theo chứng từ, tài liệu... để chứng minh; có khó khăn, vướng mắc phải báo cáo, giải thích rõ lý do). Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện với Kiểm toán Nhà nước.

Nhận được Công văn này, các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nkguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chín

Số: 208/TB-KTNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2021

Vf UBND TỈNH KG	
Số: 1071	
DẾN Ngày: 05/7/2021	
Chuyên: Ale Nguyễn	
Số và ký hiệu HS:	Thực hiện

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN TẠI TỈNH KIÊN GIANG

Kính gửi: UBND tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Quyết định số 193/QĐ-KTNN ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán Chương trình mục tiêu Phát triển Kinh tế - xã hội các vùng giai đoạn 2016 -2020 theo Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Tổ Kiểm toán 7 thuộc Đoàn kiểm toán Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng giai đoạn 2016 – 2020 của Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán tại tỉnh Kiên Giang từ ngày 14 tháng 4 năm 2021 đến ngày 29 tháng 4 năm 2021

Căn cứ Báo cáo kiểm toán của đoàn kiểm toán đã được phát hành và kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị, Kiểm toán nhà nước thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán đối với đơn vị như sau:

I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN

Các đánh giá, nhận xét đã được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán được ký với đơn vị ngày 29 tháng 4 năm 2021. Sau đây là kết luận kiểm toán tại đơn vị như sau:

1. Kết quả kiểm toán số liệu tài chính của Chương trình

- Kiểm toán quyết toán kinh phí chương trình 2 năm (2019-2020)/giai đoạn 2016-2020 (*Chi tiết Phụ lục 05.2/HSKT-KTNN kèm theo*).

- Kiểm toán chi tiết dự án đầu tư Chương trình (*Chi tiết Phụ lục 5.3/HSKT-KTNN kèm theo*).

2. Về chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính - kế toán, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công

2.1. Công tác quản lý, chỉ đạo, phối hợp thực hiện chương trình

- Tỉnh không xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình do vậy việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình tại địa phương chưa đầy đủ (chủ yếu đánh giá tiến độ đầu tư, tình hình bố trí vốn và giải ngân kế hoạch đầu tư công).

- Việc thực hiện báo cáo định kỳ của một số chủ đầu tư còn chưa kịp thời; chất lượng báo cáo còn tồn tại, hạn chế, chưa chặt chẽ, do cán bộ làm công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư đa phần là kiêm nhiệm.

- Công tác báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá chương trình còn chưa đầy đủ, kịp thời; Tỉnh không có báo cáo sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, Báo cáo tổng kết gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư chậm 01 tháng so với quy định¹.

¹ Theo Công văn 7093/BKHĐT-KTĐPLT ngày 26/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Tỉnh lập báo cáo tổng kết gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/11/2020. Trên thực tế Báo cáo số 444/BC-UBND ngày 9/12/2020 của UBND tỉnh được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 19/3/2021, chậm 01 tháng so với quy định

2.2. Tình hình thực hiện mục tiêu, nội dung của Chương trình

Đến 31/12/2020 Tỉnh chưa hoàn thành đầy đủ mục tiêu, nội dung của Chương trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1509/QĐ-TTg ngày 11/8/2019. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc không hoàn thành được mục tiêu, nội dung của Chương trình tại địa phương là do một số yếu tố sau:

- Còn 04 Dự án chưa hoàn thành phải chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025²).
- Có 07 dự án đã hoàn thành từ giai đoạn trước năm 2015³ phải đưa vào danh mục dự án của Chương trình để thanh toán nợ đọng XDCB, không tạo ra năng lực tăng thêm theo mục tiêu đề ra.
- Một số dự án chưa hoàn thành theo đúng tiến độ được duyệt ban đầu (do nguyên nhân vướng giải phóng mặt bằng, thiếu vốn, bố trí vốn không đáp ứng tiến độ dự án hoặc đã bố trí vốn cho dự án nhưng không giải ngân được phải chuyển cho các dự án thuộc chương trình khác) làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ giải ngân và thu hồi vốn ứng theo chỉ đạo của Chính phủ⁴.

Trách nhiệm thuộc về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và các cơ quan, đơn vị liên quan

2.3. Chấp hành luật, chế độ quản lý tài chính, kế toán

(1) Công tác lập, thẩm định, phân bổ, giao kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016–2020.

- Bố trí vốn cho một số dự án khởi công mới chưa đáp ứng nhu cầu vốn để đảm bảo tiến độ dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020 dẫn đến phải kéo dài sang năm 2021⁵.

- NSTW bố trí vốn cho các dự án khởi công mới so với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã giao còn thiếu 98.230 triệu đồng.

(2) Công tác lập, thẩm định, phân bổ, giao kế hoạch vốn hằng năm trong giai đoạn 2016-2020

- UBND tỉnh thông báo giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 (nguồn ngân sách trung ương) chậm so với quy định của Luật Đầu tư công là 21 ngày⁶.

- Dự án Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao đã được bố trí vốn kế hoạch năm nhưng do tiến độ triển khai chậm, tỷ lệ giải ngân thấp dẫn đến phải cắt giảm vốn đã giao

² Dự án Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao); Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang; Dự án kè, đường huyện Kiên Lương; Đường kênh KT1.

³ Dự án Kè chống sạt lở vùng lũ huyện Tân Hiệp; Đường Liên xã Vĩnh Thuận - Tân Thuận - Minh Thuận; Đường Chu Văn An; Đường Gò Quao - Vĩnh Phước - Vĩnh Tuy (gói số 2); Đường Gò Quao - Vĩnh Phước - Vĩnh Tuy (gói số 1); Đường và bến cập tàu đảo Lại Sơn - Kiên Hải; Đường và bến cập tàu xã Hòn Tre

⁴ Dự án Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao); Dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang; Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh; Đường kênh KT1; Dự án kè, đường huyện Kiên Lương...

⁵ Theo Quyết định 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các dự án khởi công mới được NSTW hỗ trợ 100% vốn. Trừ thực tế dự án đường kênh KT1 chỉ được NSTW hỗ trợ 2.000 triệu đồng/200.000 triệu đồng (bằng 1% nhu cầu vốn). Dẫn đến, dự án phải điều chỉnh kế hoạch sang năm 2023 (tiến độ dự kiến ban đầu là 2016-2020) và điều chỉnh nguồn vốn đầu tư;

⁶ Theo quy định trước 31/12 năm trước năm kế hoạch phải hoàn thành việc thông báo giao chi tiết kế hoạch đầu tư hằng năm cho các cơ quan đơn vị. Tuy nhiên, ngày 22/1/2019 UBND tỉnh Kiên Giang mới giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2019, do đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới ra quyết định giao kế hoạch vốn năm tại Quyết định số 2118/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018.

để bổ sung vốn cho các dự án khác: Trong các năm 2019-2020 phải cắt giảm 128.730 triệu đồng/308.800 triệu đồng (tương ứng 41,68% vốn kế hoạch giao)⁷.

(3). Công tác kiểm soát chi, tình hình giải ngân, thanh toán, tạm ứng và thu hồi tạm ứng cho các dự án thuộc Chương trình

- Đến hết năm 2020, tại một số dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn phải hủy dự toán: 4.523 triệu đồng; kinh phí nộp trả giảm kỳ trước là 751 triệu đồng hoặc phải chuyển kinh phí sang năm 2021: 140.253 triệu đồng, trong đó dự dự toán là: 446 triệu đồng (vốn NSĐP); Dự tạm ứng: 139.805 triệu đồng (NSTW: 74.124 triệu đồng; NSĐP: 63.518 triệu đồng; Vốn khác: 2.164 triệu đồng). Trong đó, nợ quá hạn 5.749.046.414 đồng gồm quá hạn 6 tháng: 5.454.904.344 đồng⁸; quá thời gian quy định hợp đồng: 254.142.070 đồng⁹.

- Tại dự án đường KT1 huyện An Minh: Còn tồn tại dự tạm ứng chuyển nguồn sang năm sau lớn, trong đó: Dự án đường KT1 có tỷ lệ thu hồi tạm ứng so với giá trị nghiệm thu (27%) chưa tương ứng với tỷ lệ nghiệm thu so với giá trị hợp đồng (40%)

(4) Công tác thẩm tra và phê duyệt vốn năm và quyết toán dự án hoàn thành

- Một số Dự án đã hoàn thành nhưng chủ đầu tư còn chậm nộp báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/11/2016¹⁰.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Đồng Tranh (ĐT.973 đến Bãi Vòng): Chưa hoàn thành việc thu hồi công nợ số tiền 121.624.000 đồng của Tổng công ty 319 theo Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

2.4. Chấp hành chế độ quản lý đầu tư xây dựng công trình

(1) Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án

- Tại dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm), ngoài những tồn tại đã được nêu tại Kết luận thanh tra số 275/KL-TTr ngày 1/7/2019 của Thanh tra Bộ xây dựng, công tác khảo sát lập thẩm định phê duyệt thiết kế dự toán còn tồn tại sau:

+ Công tác khảo sát, lập bản vẽ TKKTTC một số hạng mục chưa chính xác phải điều chỉnh bổ sung trong quá trình thực hiện (điều chỉnh công ngang đường Km10+265, bổ sung rãnh dọc đoạn Km9+600 đến Km10+265...), bổ sung khối lượng tính thiếu (thép nắp đan rãnh dọc, khối lượng rãnh dọc đoạn 04A).

⁷ Năm 2019: Tổng số giá trị giải ngân đến của dự án đến 3/7/2019 là: 58.144 triệu đồng/150 triệu đồng (đạt tỷ lệ 38,7% kế hoạch vốn giao năm 2019) dẫn đến phải cắt giảm 50.000đ, bổ sung cho 03 dự án thuộc nội bộ Chương trình là 50 tỷ; Năm 2020: Tổng số giá trị giải ngân đến của dự án đến 31/7/2020 là: 14.708 triệu đồng/158.800 triệu đồng (đạt tỷ lệ 9,26% kế hoạch vốn giao năm 2020) dẫn đến phải cắt giảm: 78.730 triệu đồng, bổ sung vốn cho các dự án thuộc các Chương trình khác (Chương trình mục tiêu biển đông - Hải đảo; Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng các khu kinh tế ven biển, Khu kinh tế cửa khẩu, Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA...).

⁸ Thuộc các dự án: Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang: 5.185.445.223đ; Tỉnh lộ 964: 309.459.121đ.

⁹ Thuộc các dự án: Đường Vĩnh Thuận - Minh Thuận- Tân Thuận: 670.070đ; Đường Chu Văn An: 26.000.000đ; Đường cửa khẩu Giang Thành: 211.282.000đ; Đường và bến cập tàu Lại Sơn: 16.190.000đ

¹⁰ Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Đồng Tranh (ĐT.973 đến Bãi Vòng) chậm nộp quyết toán 07 tháng; Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành đã nghiệm thu hoàn thành 27/4/2020, đơn vị chưa lập báo cáo quyết toán.

+ Không thực hiện khảo sát mỏ vật liệu để làm cơ sở thiết kế, lập dự toán.

- Tại Dự án đường và cầu cửa khẩu Giang Thành Thiết kế chiều dày lớp đá dăm nước lớp trên đường dân sinh có chiều dày 24cm lớn hơn kết cấu chính 4cm nhưng không có tính toán.

- Tại dự án ĐTXD công trình đường Đồng Tranh (ĐT.973 đến Bãi Vòng)

Không giải phóng mặt bằng được đoạn từ lý trình Km0 - Km0+55 và Km3+900 - Km3+968 dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế từ đường bê tông nhựa thành bê tông xi măng.

- Dự án xây dựng đường KT1, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

Không thực hiện theo đúng quy trình khảo sát được quy định tại tiêu chuẩn 22TCN 263:2000 để làm cơ sở lập, thẩm định phê duyệt thiết kế và dự toán: không khảo sát các công trình liên quan đến tuyến, các công trình thoát nước; không lập các văn bản thỏa thuận cần thiết; không khảo sát thủy văn; không khảo sát các nguồn vật liệu, bãi đổ thải.

- Công tác lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự toán gói thầu tại các dự án còn một số tồn tại, sai sót về áp dụng đơn giá, tính toán khối lượng làm tăng giá trị dự toán không đúng với giá trị 3.029 triệu đồng (trong đó, sai khối lượng 252 triệu đồng, sai đơn giá 2.777 triệu đồng).

(Chi tiết tại phụ lục 05.2/HSKT-KTNN và phụ biểu 03/HSKT-KTNN)

(3) Công tác lựa chọn Nhà thầu, thương thảo, ký kết hợp đồng

- Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm).

Công tác thương thảo, ký kết hợp đồng của gói thầu tư vấn khảo sát và lập dự án đầu tư có nội dung chưa phù hợp với quy định của Luật đấu thầu và kế hoạch đấu thầu được duyệt. Cụ thể:

+ Ký hợp đồng trọn gói không phù hợp với kế hoạch đấu thầu và hồ sơ lựa chọn nhà thầu là hình thức hợp đồng là theo đơn giá cố định.

+ Đề xuất tài chính theo hình thức lương chuyên gia nhưng điều chỉnh hợp đồng theo phương pháp tỷ lệ % là chưa phù hợp quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

- Tại Dự án xây dựng đường KT1, huyện An Minh và Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm): các gói thầu tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn lập hồ sơ mời thầu áp dụng hợp đồng trọn gói nhưng trong điều khoản hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn không quy định về trách nhiệm của các bên trong việc xử lý, đền bù đối với việc tính toán sai số lượng, khối lượng công việc là chưa chặt chẽ theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 62 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13.

(4) Công tác quản lý tiến độ thực hiện các dự án

Một số dự án có tiến độ triển khai dự án chậm so với kế hoạch ban đầu:

- Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành: tiến độ thực hiện dự án cơ bản phù hợp với tiến độ được gia hạn (từ năm 2016-2020), chậm 07 năm so với tiến độ ban đầu (từ năm 2010-2012).

- Dự án ĐTXD công trình đường Đồng Tranh (ĐT.973 đến Bãi Vòng): tiến

độ thực hiện dự án chậm 01 tháng với tiến độ được gia hạn (từ năm 2016-2018), chậm 01 năm so với tiến độ ban đầu (từ năm 2016-2017).

- Dự án Nhà thi đấu đa năng tỉnh Kiên Giang: tiến độ thực hiện dự án cơ bản phù hợp với tiến độ được gia hạn (từ năm 2014 - năm 2019) và bị chậm 09 tháng so với tiến độ theo kế hoạch ban đầu (từ năm 2014 - năm 2018).

(5) Công tác quản lý chi phí đầu tư

(Chi tiết tại Phụ lục số 05.2/HSKT-KTNN và Phụ biểu số 01,02/HSKT-KTNN)

(6) Công tác tài chính kế toán

- Tuân thủ quy định về cung cấp hóa đơn của các nhà thầu cho dự án

Trong quá trình nghiệm thu, thanh toán, Ban QLDA chưa đôn đốc nhà thầu tư vấn chi phí kiểm toán chưa xuất hóa đơn GTGT đối với khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu: 9.391.230.000 đồng, tương ứng với số thuế GTGT là: 853,748.000 đồng¹¹

2.5. Chấp hành các văn bản pháp luật khác có liên quan (nếu có)

Tại các năm 2018, 2019 một số chủ đầu tư chưa thực hiện đầy đủ việc báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng, thu hồi tạm ứng, đề xuất biện pháp xử lý các khoản tạm ứng quá hạn gửi KBNN theo quy định khoản 5, Điều 1 Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính;

3. Về tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả

3.1. Đánh giá chung

Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh cơ bản đã thi công hoàn thành 12 dự án/16 dự án, năng lực tăng thêm khoảng 123,17 km đường giao thông, 17 cầu có quy mô vừa và nhỏ; 01 bệnh viện cấp tỉnh; 01 trung tâm huấn luyện cấp tỉnh; 02 trung tâm hành chính, trụ sở quản lý nhà nước của địa phương mới tách; 01 hồ chứa nước (600.000 m³, công suất 125m³/giờ). Tổng vốn kế hoạch đã giao cho các dự án Chương trình là 4.631.201 triệu đồng (NSTW: 1.355.449 triệu đồng; NSDP: 1.533.354 triệu đồng, vốn khác: 1.742.398 triệu đồng). Tổng giá trị đã giải ngân thanh toán khối lượng hoàn thành: 2.602.231 triệu đồng (trong đó: NSTW 1.197.751 triệu đồng; Vốn TPCP: 530.821; Vốn địa phương: 873.659 triệu đồng).

Nhìn chung, các dự án hoàn thành đã thúc đẩy và tạo điều kiện liên kết các vùng trong và ngoài tỉnh; tạo không gian phát triển, nâng cao đời sống vật chất tinh thần tại địa phương; từ đó tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng trên địa bàn tỉnh.

Quá trình thực hiện chương trình đã tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và chế độ quản lý đầu tư và xây dựng, chế độ tài chính, kế toán và chế độ khác có liên quan đến dự án, chương trình. Việc quản lý nguồn vốn cơ bản chặt chẽ, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích. Qua kiểm toán không phát hiện tham

¹¹ Tại UBND huyện An Minh: Tổng giá trị nghiệm thu thanh toán chưa có hóa đơn GTGT là 9.205.911.000 đồng tương ứng với số thuế GTGT là 836.901.000 đồng. Tại Ban quản lý các công trình giao thông: giá trị nghiệm thu thanh toán chưa có hóa đơn GTGT là 185.319.000 đồng tương ứng với số thuế GTGT là 16.847.000 đồng.

những, lãng phí, không có sai sót lớn nghiêm trọng.

Đối với dự án được kiểm toán chi tiết, Quá trình đầu tư được thực hiện cơ bản đúng quy định. Công tác lập thẩm định phê duyệt dự án, công tác lập thẩm định phê duyệt dự toán thiết kế, lựa chọn nhà thầu, công tác nghiệm thu thanh toán cơ bản đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm.

3.2. Những hạn chế tồn tại

Bên cạnh những mặt làm được, trong quá trình thực hiện dự án vẫn còn tồn tại sai sót làm ảnh hưởng đến tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả của dự án như:

a. Tính kinh tế

- Nhiều dự án đầu tư triển khai thi công kéo dài làm phát sinh chi phí xây dựng, chi phí quản lý;

- Tại dự án được kiểm toán chi tiết: Công tác lập thẩm định phê duyệt dự toán còn sai sót làm tăng dự toán; Công tác quản lý chi phí đầu tư còn vẫn còn một số tồn tại, hạn chế qua kiểm toán phải điều chỉnh theo kết quả kiểm toán.

b. Tính hiệu lực

Kết quả thực hiện Chương trình còn một số nội dung chưa đạt được theo mục tiêu đề ra của Chương trình như: không bố trí đủ vốn so với nhu cầu; chất lượng công tác lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công chưa cao, còn dàn trải; tiến độ triển khai một số dự án còn chậm đã làm giảm tính hiệu lực của Chương trình.

c. Tính hiệu quả

Quá trình triển khai, thực hiện còn một số tồn tại dẫn đến khả năng đạt mục tiêu còn hạn chế. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế, dự toán, đấu thầu, nghiệm thu, thanh quyết toán còn sai sót, một số dự án chậm tiến độ, chậm đưa vào khai thác, sử dụng; việc quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công còn tồn tại hạn chế dẫn đến dự toán giao không sử dụng phải hủy bỏ trong khi một số dự án Chương trình còn thiếu vốn¹².

II. KIẾN NGHỊ

1. Đối với các đơn vị được kiểm toán

1.1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo ý kiến kết luận của Kiểm toán nhà nước.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

Tổng xử lý về tài chính theo kết quả kiểm toán: 11.198.783.484 đồng, gồm:

1.2.1. Thu hồi nộp NSNN: 756.272.000 đồng

1.2.2. Giảm thanh toán: 2.720.104.083 đồng

1.2.3. Giảm giá trị hợp đồng còn lại: 2.996.836.000 đồng

1.2.4. Thu hồi tạm ứng quá hạn tại các dự án qua đối chiếu tại Kho bạc Nhà

¹² Điển hình, dự án đường ven sông Cái Lớn, các năm 2019, 2020 tỷ lệ giải ngân thấp (chủ yếu do vướng GPMB) dẫn đến vốn đã bố trí không giải ngân được phải điều chuyển cho dự án khác 50 tỷ và điều chuyển cho dự án thuộc Chương trình mục tiêu khác 78 tỷ làm giảm, chậm phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của dự án nói riêng và hiệu quả sử dụng vốn Chương trình nói chung.

nước: 3.871.823.219 đồng.

1.2.5. Tăng thu NSNN các khoản thuế: 853.748.182 đồng
(Chi tiết Phụ lục số 03, 03a, 04/HSKT-KTNN)

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công

(1) Đối với Sở KHĐT tỉnh Kiên Giang

- Rà soát kế hoạch vốn đã giao, xác định nhu cầu vốn thực tế của dự án của từng dự án Chương trình án, đặc biệt lưu ý các dự án đã hết nhiệm vụ chỉ còn dư vốn, dự án có tiến độ giải ngân chậm tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn nội bộ Chương trình; báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn (NSTW) nội bộ các dự án Chương trình đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư công và mục tiêu của Chương trình.

- Rút kinh nghiệm trong công tác tham mưu UBND tỉnh trong việc đề xuất danh mục dự án đầu tư công trung hạn, quản lý, giám sát đầu tư đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư công.

(2) Đối với Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang

Tiếp tục đôn đốc các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành lập báo cáo quyết toán dự án, công trình, hạng mục hoàn thành, quyết toán vốn hàng năm để thẩm tra kịp thời đúng quy định.

(3) Đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện An Minh

- Đôn đốc nhà thầu xuất hóa đơn GTGT đối với khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu với tổng giá trị nghiệm thu thanh toán chưa có hóa đơn GTGT là 9.205.911.000 đồng tương ứng với số thuế GTGT là 836.901.000 đồng.

- Rút kinh nghiệm trong việc dự tạm ứng chuyển nguồn sang năm sau lớn, trong đó: Dự án đường KT1 có tỷ lệ thu hồi tạm ứng so với giá trị nghiệm thu (27%) chưa tương ứng với tỷ lệ nghiệm thu so với giá giá trị hợp đồng (40%).

(4) Đối với Ban quản lý các công trình giao thông

- Đôn đốc nhà thầu xuất hóa đơn GTGT đối với khối lượng hoàn thành đã được nghiệm thu với giá trị nghiệm thu thanh toán chưa có hóa đơn GTGT là 185.319.000 đồng tương ứng với số thuế GTGT là 16.847.182 đồng.

- Rút kinh nghiệm đối với một số tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý dự án đầu tư đặc biệt liên quan đến công tác lập dự toán các gói thầu.

(5) Đối với Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành DD&CN tỉnh

Khẩn trương thu hồi các khoản tạm ứng quá hạn đối với các gói thầu, hạng mục thuộc Dự án bệnh viện Đa khoa Kiên Giang theo quy định Thông tư 52/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính.

2. Đối với UBND tỉnh

- Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị liên quan rà soát kế hoạch đầu tư trung hạn, cân đối, sắp xếp, bố trí nguồn vốn (NSTW và NSDP) trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt, điều chỉnh đảm bảo nguồn lực hoàn thành các dự án và mục tiêu Chương trình phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

- Chỉ đạo các Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan: Khẩn trương hoàn thành công tác quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng; thực hiện đúng tiến độ dự án đã được phê duyệt.

- Tổ chức vận hành, khai thác sử dụng các dự án thuộc Chương trình đã hoàn thành đảm bảo hiệu quả; cân đối, bố trí kinh phí để duy tu, bảo dưỡng công trình theo đúng quy định.

- Chỉ đạo các Chủ đầu tư và các đơn vị tham gia quản lý các dự án kiểm điểm rút kinh nghiệm tập thể và cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế đã được nêu trong Thông báo kết quả kiểm toán.

- Tổ chức rút kinh nghiệm trong quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư: Tiến độ triển khai một số dự án thuộc Chương trình còn chậm; Lập, thẩm định phân giao kế hoạch vốn chưa sát với tình hình thực tế và tiến độ triển khai dự án dẫn đến một số dự án đã bố trí vốn phải hủy hoặc điều chuyển cho dự án khác; Lựa chọn một số dự án đưa vào danh mục Chương trình mục tiêu chưa phù hợp làm giảm hiệu quả của Chương trình.

Đề nghị UBND tỉnh Kiên Giang chỉ đạo Sở KHĐT và các Chủ đầu tư dự án được kiểm toán chi tiết thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước theo Thông báo này và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh Kiên Giang để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành IV địa chỉ 116 đường Nguyễn Chánh, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội trước ngày 31/3/2022. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (*với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu, ... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do*). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01/HSKT-KTNN kèm theo.

Thông báo này gồm 08 trang, từ trang 01 đến trang 08 và các Phụ lục số: 01/HSKT – KTNN; 02/HSKT-KTNN; 03/HSKT - KTNN, 03a/HSKT - KTNN; 05.2/HSKT-KTNN, 05.3/HSKT-KTNN; các Phụ biểu số 01 đến 04/HSKT-KTNN là bộ phận không tách rời của Thông báo này. /*2*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- KTNN chuyên ngành IV;
- Lưu: VT, ĐKT.

**TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH IV**



Hoàng Phú Thọ

HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (*giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...*), ngoài việc ghi rõ nội dung kiến nghị kiểm toán, số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ “*Nộp NSNN thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi kho bạc nhà nước (Trung ương/ tỉnh hoặc thành phố)*” đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm*”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm....*”.

2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XDCB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: Các chứng từ (*Quyết định phê duyệt quyết toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh,...*) phải ghi rõ: “*Giảm thanh toán số tiền (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/ khu vực... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (trường hợp dự án chưa quyết toán).

3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên: Các quyết định (*giao dự toán, giảm dự toán,...*) phải ghi rõ “*Giảm dự toán số tiền (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/khu vực... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành quyết định trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.

4. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế ghi rõ “*nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ “*nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ “*số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN*”; đồng thời ghi rõ “*niên độ ngân sách năm tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số/KTNN-TH ngày ... tháng... năm tại.... và theo Công văn số ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước (nếu có)*”.

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Qua kiểm toán Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng giai đoạn 2016-2020 theo quyết định số 1245/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ tại tỉnh Kiên Giang

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế					Phí, lệ phí	Giảm phải thu NSNN	Giảm thuế GTGT được khấu trừ	Thu hồi tiền hoàn thuế GTGT	Thu khác
				GTGT	TNDN	XNK	TTĐB	Thuế khác					
A	B	C	1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng		853.748.182	853.748.182	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang		16.847.182	16.847.182	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>I</i>	<i>Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)</i>												
1	Gói thầu số 1 tư vấn khảo sát thiết kế bản vẽ thi công	1700113586	16.847.182	16.847.182									
B	UBND huyện An Minh		836.901.000	836.901.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Dự án xây dựng đường KTI, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang</i>												
1	Gói thầu số 1	1700442767	785.557.000	785.557.000									
2	Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập dự án	1701296244	40.039.000	40.039.000									
3	Gói thầu tư vấn Lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	1701482057	843.000	843.000									
4	Bảo hiểm KGI.D07.CAR.19.HD056	0101527385029	10.462.000	10.462.000									

BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ THU HỒI VÀ GIẢM CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
Quan kiểm toán Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội các vùng giai đoạn 2016-2020 tại tỉnh Kiên Giang

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Giảm giá hợp đồng còn lại	Thu hồi và nộp NSNN khác (*)
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB		
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng	10.345.035.302	-	756.272.000	-	2.720.104.083	2.996.836.000	3.871.823.219
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	5.316.400.191	-	121.624.000	-	1.634.339.000	2.996.836.000	563.601.191
1.1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)	3.625.444.000	-	-	-	1.243.153.000	2.382.291.000	-
-	Gói thầu số 03: Thi công XD phần đường và 02 cầu.	3.442.611.000				1.239.422.000	2.203.189.000	
-	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	182.833.000				3.731.000	179.102.000	
1.2	Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành	1.005.731.000	-	-	-	391.186.000	614.545.000	-
-	Gói thầu số 01	1.005.731.000				391.186.000	614.545.000	
1.3	Dự án ĐTXD công trình đường Đồng Tranh (ĐT.973 đến Bãi Vòng).	121.624.000		121.624.000				0
1.4	Tỉnh lộ 964	309.459.121						309.459.121

TT	Chỉ tiêu Đơn vị	Tổng số	Thu hồi, nộp NS các khoản chi sai quy định		Giảm dự toán, giảm thanh toán năm sau		Giảm giá hợp đồng còn lại	Thu hồi và nộp NSNN khác (*)
			Thường xuyên	XDCB	Thường xuyên	XDCB		
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1.5	Đường Vĩnh Thuận - Minh Thuận- Tân Thuận	670.070						670.070
1.6	Đường Chu Văn An	26.000.000						26.000.000
1.7	Đường cửa khẩu Giang Thành	211.282.000						211.282.000
1.8	Đường và bến cập tàu Lại Sơn	16.190.000						16.190.000
2	UBND huyện An Minh	1.085.765.083	-	-	-	1.085.765.083	-	-
-	Dự án xây dựng đường KT1, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	1.085.765.083	-	-	-	1.085.765.083	-	-
+	Gói thầu số 01	1.034.743.000				1.034.743.000		
+	Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập dự án	51.022.083				51.022.083		
3	Sở Văn hóa thể thao tỉnh Kiên Giang	634.648.000	-	634.648.000	-	-	-	-
-	Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng tỉnh Kiên Giang	634.648.000	-	634.648.000	-	-	-	-
	Gói thầu số 01	634.648.000		634.648.000				
4	Sở Y tế: Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	3.308.222.028						3.308.222.028

THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO QUYẾT
ĐỊNH SỐ 1256/QĐ-TT-G CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TẠI TỈNH KIÊN GIANG

STT	Đơn vị/ chỉ tiêu	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
	Tổng cộng	10.345.035.302		
I	Các khoản chi sai chế độ			
II	Cho vay, tạm ứng sai quy định			
III	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi			
IV	Kinh phí phải giảm thanh toán năm sau			
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	1.634.339.000		
1.1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)			
-	Gói thầu số 03: Thi công XD phần đường và 02 cầu.	1.239.422.000	Sai đơn giá, sai khối lượng	
-	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	3.731.000	Sai khối lượng	
1.2	Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành			
-	Gói thầu số 01	391.186.000	Sai khối lượng	
1.3	Dự án ĐTXD công trình đường Đồng Tranh (ĐT.973 đến Bãi Vòng).	121.624.000	Thanh toán vượt giá trị được quyết toán	
2	UBND huyện An Minh	1.085.765.083		
-	Dự án xây dựng đường KT1, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang			
+	Gói thầu số 01	1.034.743.000	Sai khối lượng	
+	Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập dự án	51.022.083	Sai khối lượng	
V	Thu hồi nộp NSNN	634.648.000		
1	Sở Văn hóa thể thao tỉnh Kiên Giang	634.648.000		
-	Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng tỉnh Kiên Giang			
	Gói thầu số 01	634.648.000	Sai khối lượng	
VI	Thu hồi và nộp NSNN khác	563.601.191		
-	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	547.411.191		
+	Tinh lộ 964	309.459.121		Chi phí QLDA

+	Đường Vĩnh Thuận - Minh Thuận- Tân Thuận	670.070		Chi phí bồi hoàn GPMB
+	Đường Chu Văn An	26.000.000	Thu hồi tạm ứng quá hạn theo Điều 1 Thông tư 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài Chính	Chi phí giám sát
+	Đường cửa khẩu Giang Thành	211.282.000		Chi QLDÁ+ GPMB
-	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Kiên Hải	16.190.000		
+	Đường và bến cập tàu Lại Sơn	16.190.000	Thu hồi tạm ứng quá hạn theo Điều 1 Thông tư 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài Chính	Chi phí bồi hoàn GPMB tạm ứng năm 2013
-	Sở Y tế: Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang	3.308.222.028		
	CP xây dựng Gói thầu 32.1A : Công ty CP xây lắp Thành An 96	654.000.000	Thu hồi tạm ứng quá hạn theo Điều 1 Thông tư 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài Chính	Chi phí xây dựng
	CP giám sát Gói thầu 32.1A	84.000.000		Chi phí tư vấn
	CP giám sát Gói thầu 34	46.900.000		Chi phí tư vấn
	CP giám sát Gói thầu 56	110.000.000		Chi phí tư vấn
	CP giám sát Gói thầu 49	28.352.000		Chi phí tư vấn
	CP giám sát của các gói thầu khác	285.747.000		Chi phí tư vấn
	CP Quan trắc biến dạng công trình gói 37	697.527.028		Chi phí khác
	CP kiểm toán gói 76	1.335.000.000		Chi phí khác
	CP giám sát Gói thầu 33	66.696.000		Chi phí tư vấn
VII	Giảm giá trị hợp đồng còn lại	2.996.836.000		
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	2.996.836.000		
1.1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)	2.382.291.000		
-	Gói thầu số 03: Thi công XD phần đường và 02 cầu.	2.203.189.000	Sai khối lượng, đơn giá	
-	Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập dự án	179.102.000	Sai khối lượng, đơn giá	
1.2	Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành	614.545.000		
-	Gói thầu số 01	614.545.000	Sai khối lượng	

**QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC
VÙNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 HAI NĂM/ GIAI ĐOẠN
(Từ năm 2019 đến năm 2020)**

TẠI TỈNH KIÊN GIANG

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Tỉnh Kiên Giang		
		Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
1	Nguồn ngân sách trong nước			
1.1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	45.960.611.884	441.093.968.176	0
	NSTW	39.145.932.483	125.212.986.221	0
	NSDP	6.814.679.401	315.880.981.955	0
*	Dự toán kỳ trước được chuyển sang	309.004.494	218.376.527.908	0
-	NSTW	297.062.494	16.804.272.426	0
-	NSDP	11.942.000	201.572.255.482	0
*	Tạm ứng kỳ trước chuyển sang	45.651.607.390	222.717.440.268	0
-	NSTW	38.848.869.989	108.408.713.795	0
-	NSDP	6.802.737.401	114.308.726.473	0
1.2	Dự toán được giao trong năm	3.080.863.238.799	1.714.444.238.799	0
-	NSTW	1.528.449.000.000	958.871.000.000	0
-	NSDP	1.552.414.238.799	755.573.238.799	0
1.3	Tổng số được sử dụng trong năm	3.126.823.850.683	2.155.538.206.975	0
1.4	Kinh phí đề nghị quyết toán	2.977.685.915.964	2.012.174.110.043	0
-	NSTW	1.498.772.824.597	1.020.312.113.763	0
-	NSDP	1.478.913.091.367	991.861.996.280	0
1.5	Kinh phí giảm trong năm	11.049.343.671	5.275.505.884	
1.6	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	138.088.591.048	138.088.591.048	0
*	Dự toán	446.825.676	446.825.676	0
	NSTW	0	0	0
	NSDP	446.825.676	446.825.676	0
*	Tạm ứng	137.641.765.372	137.641.765.372	0
	NSTW	74.123.607.441	74.123.607.441	0
	NSDP	63.518.157.931	63.518.157.931	0
2	Nguồn vốn TPCP			0
2.1	Số dư kinh phí kỳ trước chuyển sang		817.596.838.515	0
-	Dự dự toán		399.276.192.515	0
-	Dự tạm ứng		418.320.646.000	0
2.2	Dự toán được giao trong kỳ	1.557.000.000.000	257.000.000.000	0
2.3	Tổng số được sử dụng trong kỳ	1.557.000.000.000	1.074.596.838.515	0
2.4	Tổng kinh phí nhận trong kỳ	1.557.000.000.000	1.074.596.838.515	0

TT	Nội dung	Tỉnh Kiên Giang		
		Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3 = 2 - 1
2.5	Kinh phí đơn vị đã sử dụng đề nghị quyết toán trong kỳ	1.557.000.000.000	1.072.432.093.292	0
2.6	Kinh phí giảm trong năm			0
2.7	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán		2.164.745.223	0
2.8	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN			0

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CHI TIẾT CHI ĐẦU TƯ DỰ ÁN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG GIẢI ĐOẠN 2016-2020 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1256/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
TẠI TỈNH KIÊN GIANG

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến 31/12/2020 (đã bao gồm tạm ứng)	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác
						Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	10	11	12	13
	Tổng cộng									634.648.000	2.720.104.083	2.996.836.000	
A	GIÁ TRỊ NGHIỆP THU	610.036.207.371	363.486.421.157	360.131.669.074	-3.354.752.083	-2.874.008.083	-480.744.000	0	638.235.354.213	634.648.000	2.720.104.083	0	0
I	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	377.877.508.003	225.016.659.230	223.382.320.230	-1.634.339.000	-1.153.595.000	-480.744.000	0	381.494.640.454	0	1.634.339.000	0	0
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)	200.509.729.232	194.722.400.424	193.479.247.424	-1.243.153.000	-966.547.000	-276.606.000	0	204.000.000.000	0	1.243.153.000	0	0
1.1	Chi phí xây dựng	189.786.004.055	189.786.004.055	188.546.582.055	-1.239.422.000	-962.816.000	-276.606.000	0	189.786.004.055	0	1.239.422.000	0	0
-	Gói thầu số 03: Thi công XD phần đường và 02 cầu.	189.786.004.055	189.786.004.055	188.546.582.055	-1.239.422.000	-962.816.000	-276.606.000	0	189.786.004.055	0	1.239.422.000	0	0
1.2	Chi phí QLDA	969.129.000							2.907.387.000				
1.3	Chi phí tư vấn	5.714.695.131	3.805.577.260	3.801.846.260	-3.731.000	-3.731.000	0	0	5.574.291.834	0	3.731.000	0	0
-	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	997.511.320	997.511.320	993.780.320	-3.731.000	-3.731.000	0	0	997.511.320	0	3.731.000		
-	Chi phí lập dự án	136.038.537	0	0	0	0	0	0	136.038.537				
-	Chi phí thiết khảo sát lập thiết kế BVTC	2.808.065.940	2.808.065.940	2.808.065.940	0	0	0	0	2.667.662.643				
-	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	131.381.063	0	0	0	0	0	0	131.381.063				
-	Chi phí giám sát thi công XDCT	1.641.698.271	0	0	0	0	0	0	1.641.698.271				
1.4	Chi phí khác	2.799.590.787	1.130.819.109	1.130.819.109	0	0	0	0	2.794.465.353				
-	Chi phí trả phá bom mìn	1.130.819.109	1.130.819.109	1.130.819.109					1.130.819.109				
-	Chi phí bảo hiểm	181.194.561							181.194.561				
-	Chi phí TK di dời điện	40.550.113							36.495.102				
-	Chi phí TC di dời điện	602.083.047							602.083.047				
-	Chi phí giám sát TC di dời điện	21.408.470							20.338.047				
-	Chi phí lập HSMT và HSYC, đánh giá HSDT tư vấn lập BC NCKT	419.084.000							419.084.000				
-	Chi phí lập HSMT và HSYC, đánh giá HSDT tư vấn thiết kế	101.573.667							101.573.667				
-	Chi phí thẩm định HSMT và HSYC, KQLCNT tư vấn thiết kế	2.904.863							2.904.863				
-	Chi phí thẩm định HSMT và HSYC, KQLCNT thi công XD	50.000.000							50.000.000				

TT	Nội dung	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến 31/12/2020 (đã bao gồm tạm ứng)	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác
						Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	10	11	12	13
-	Chi phí đo đạc cắm cọc GPMB	133.109.297							133.109.297				
-	Chi phí lập BC tác động môi trường	116.863.660							116.863.660				
1.5	Chi phí GPMB, TĐC	1.240.310.259							2.937.851.758				
2	Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành	120.239.558.153	21.466.659.478	21.075.473.478	-391.186.000	-187.048.000	-204.138.000	0	120.078.361.480	0	391.186.000	0	0
2.1	Chi phí xây dựng	100.057.402.057	21.466.659.478	21.075.473.478	-391.186.000	-187.048.000	-204.138.000	0	100.057.402.057	0	391.186.000	0	0
-	Gói thầu số 01: Xây dựng đường, cầu, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống điện và hệ thống cấp nước.	100.057.402.057	21.466.659.478	21.075.473.478	-391.186.000	-187.048.000	-204.138.000	0	100.057.402.057		391.186.000		
2.2	Chi phí tư vấn	5.994.006.390	0	0	0	0	0	0	5.832.809.717	0	0	0	0
-	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	337.342.537	0	0	0	0	0	0	337.342.537				
-	Chi phí thiết khảo sát thiết kế BVTC (Hafico)	2.525.111.709	0	0	0	0	0	0	2.525.111.709				
-	Chi phí lập và đánh giá hồ sơ mời thầu thi công xây dựng	87.219.000	0	0	0	0	0	0	87.219.000				
-	Chi phí khảo sát thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh (Hafico)	195.487.001	0	0	0	0	0	0	195.487.001				
-	Chi phí khảo sát và lập dự án (điều chỉnh)	372.455.341	0	0	0	0	0	0	260.718.739				
-	Chi phí khảo sát, thiết kế BVTC (điều chỉnh đoạn 4,25 km và 1,18 km)	356.464.711	0	0	0	0	0	0	320.818.240				
-	Chi phí khảo sát, thiết kế BVTC (điều chỉnh đường số 13)	270.181.048	0	0	0	0	0	0	256.367.448				
-	Chi phí lập dự án điều chỉnh	7.847.011	0	0	0	0	0	0	7.847.011				
-	Chi phí khảo sát kê giá cố nền đường đoạn 4,25 km	90.817.108	0	0	0	0	0	0	90.817.108				
-	Chi phí giám sát thi công +lắp đặt thiết bị (phần khối lượng đã thực hiện)	1.751.080.924	0	0	0	0	0	0	1.751.080.924				
2.3	Chi phí khác	4.218.999.406	0	0	0	0	0	0	4.218.999.406	0	0	0	0
-	Chi phí tư vấn kiểm định cầu	198.112.000	0	0	0	0	0	0	198.112.000				
-	Chi phí trả phá bom mìn	1.205.601.344	0	0	0	0	0	0	1.205.601.344				
-	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán	63.927.198	0	0	0	0	0	0	63.927.198				
-	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán	15.439.022	0	0	0	0	0	0	15.439.022				
-	Chi phí bảo hiểm	618.418.000	0	0	0	0	0	0	618.418.000				
-	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	457.233.000	0	0	0	0	0	0	457.233.000				

TT	Nội dung	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến 31/12/2020 (đã bao gồm tạm ứng)	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác
						Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	10	11	12	13
-	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán	22.348.741	0	0	0	0	0	0	22.348.741				
-	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán	36.471.101	0	0	0	0	0	0	36.471.101				
-	Chi phí QLDA	1.601.449.000	0	0	0	0	0	0	1.601.449.000				
2.4	Chi phí GPMB, TĐC	9.969.150.300							9.969.150.300				
3	Dự án ĐTXD công trình đường Đồng Tranh (ĐT.973 đến Bai Vòng).	57.128.220.618	8.827.599.328	8.827.599.328	0	0	0	0	57.416.278.974	0	0	0	0
3.1	Chi phí xây dựng	51.944.698.328	8.827.599.328	8.827.599.328	0	0	0	0	52.376.433.000	0	0	0	0
-	Gói thầu số 01: Xây dựng đường	51.944.698.328	8.827.599.328	8.827.599.328	0	0	0	0	52.376.433.000				
3.2	Chi phí tư vấn	1.908.845.358	0	0	0	0	0	0	1.814.894.628	0	0	0	0
-	Chi phí lập dự án đầu tư	376.669.165	0	0	0	0	0	0	376.669.165				
-	Chi phí lập nhiệm vụ KSTK	19.383.602	0	0	0	0	0	0	19.383.602				
-	Chi phí thiết khảo sát thiết kế BVTC	672.925.508	0	0	0	0	0	0	650.000.000				
-	Chi phí lập HSMT và HS đề xuất	47.269.000	0	0	0	0	0	0					
-	Chi phí đánh giá HSMT và HS đề xuất	47.269.000	0	0	0	0	0	0	38.000.000				
-	Chi phí thiết kế điện chiếu sáng	75.329.083	0	0	0	0	0	0	60.841.861				
-	Chi phí giám sát thi công	670.000.000	0	0	0	0	0	0	670.000.000				
3.3	Chi phí khác	1.781.120.832	0	0	0	0	0	0	1.731.395.246	0	0	0	0
-	Chi phí thẩm định KQ lựa chọn nhà thầu XD	23.634.719	0	0	0	0	0	0	23.634.719				
-	Chi phí thẩm định HS mời, HS yêu cầu XD	23.634.719	0	0	0	0	0	0	0				
-	Lệ phí thẩm định dự án	12.919.327	0	0	0	0	0	0					
-	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	263.000.000	0	0	0	0	0	0	263.000.000				
-	Chi phí kiểm toán	1.000.000	0	0	0	0	0	0	0				
-	Chi phí thẩm định KQ lựa chọn nhà thầu TK	1.000.000	0	0	0	0	0	0					
-	Chi phí thẩm định HS mời thầu, HS yêu cầu TK	1.000.000	0	0	0	0	0	0					
-	Chi phí thẩm định KQ lựa chọn nhà thầu GS	1.000.000	0	0	0	0	0	0	1.000.000				
-	Chi phí rà phá bom mìn	388.813.000	0	0	0	0	0	0	388.813.000				
-	Chi phí thẩm định dự toán XDCT	26.686.550	0	0	0	0	0	0	26.686.550				
-	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC và dự toán	28.260.977	0	0	0	0	0	0	28.260.977				
-	Chi phí QLDA	1.010.171.540	0	0	0	0	0	0	1.000.000.000				

TT	Nội dung	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến 31/12/2020 (đã bao gồm tạm ứng)	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác
						Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	
A	B	1	2	3	4= 3-2	5	6	7	8	10	11	12	13
3.4	Chi phí GPMB, TĐC	1.493.556.100							1.493.556.100				
II	UBND HUYỆN AN MINH	73.899.826.009	73.042.529.750	71.956.764.667	-1.085.765.083	-1.085.765.083	0	0	98.481.840.400	0	1.085.765.083	0	0
	Dự án xây dựng đường KTI, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	73.899.826.009	73.042.529.750	71.956.764.667	-1.085.765.083	-1.085.765.083	0	0	98.481.840.400	0	1.085.765.083	0	0
1	Chi phí xây dựng	68.776.482.259	68.776.482.259	67.741.739.259	-1.034.743.000	-1.034.743.000	0	0	91.594.458.000	0	1.034.743.000	0	0
-	Gói thầu số 01	68.776.482.259	68.776.482.259	67.741.739.259	-1.034.743.000	-1.034.743.000	0	0	91.594.458.000	0	1.034.743.000	0	0
2	Chi phí Ban QLDA								1.155.000.000	0	0	0	0
3	Chi phí tư vấn	3.599.566.747	3.120.936.927	3.069.914.844	-51.022.083	-51.022.083	0	0	4.265.860.925	0	51.022.083	0	0
-	Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập dự án	440.427.858	440.427.858	389.405.775	-51.022.083	-51.022.083	0	0	440.427.858	0	51.022.083	0	0
-	Gói thầu tư vấn thiết kế lập dự án đầu tư xây dựng công trình	374.476.247	374.476.247	374.476.247	0	0	0	0	374.476.247	0	0	0	0
-	Thẩm định dự án	15.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu tư vấn thiết kế lập thiết kế bản vẽ thi công	2.306.032.822	2.306.032.822	2.306.032.822	0	0	0	0	2.071.000.000	0	0	0	0
-	Gói thầu tư vấn Lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	9.273.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu thẩm tra HSTK	227.850.671	0	0	0	0	0	0	227.850.671	0	0	0	0
-	Gói thầu tư vấn Lựa chọn nhà thầu TCXD	122.506.149	0	0	0	0	0	0	122.506.149	0	0	0	0
-	Chi phí thẩm định HSMT kết quả lựa chọn nhà thầu thi công	100.000.000	0	0	0	0	0	0	100.000.000	0	0	0	0
-	Gói thầu giám sát thi công		0	0	0	0	0	0	925.600.000	0	0	0	0
-	Gói thầu tư vấn Lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát	2.000.000	0	0	0	0	0	0	2.000.000	0	0	0	0
-	Chi phí thẩm định HSMT kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát	2.000.000	0	0	0	0	0	0	2.000.000	0	0	0	0
4	Chi Phí Khác	1.523.777.003	1.145.110.564	1.145.110.564	0	0	0	0	1.466.521.475	0	0	0	0
-	Gói thầu bảo hiểm	263.580.670	0	0	0	0	0	0	263.580.670	0	0	0	0
-	Gói thầu bảo hiểm	115.085.769	0	0	0	0	0	0	115.085.769	0	0	0	0
-	Chi phí rà phá bom mìn	1.145.110.564	1.145.110.564	1.145.110.564	0	0	0	0	1.087.855.036	0	0	0	0
5	Chi phí GPMB (tổng giá trị)	0							0				
III	Sở Văn hóa thể thao tỉnh Kiên Giang	158.258.873.359	65.427.232.177	64.792.584.177	-634.648.000	-634.648.000	0	0	158.258.873.359	634.648.000	0	0	0
	Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng tỉnh Kiên Giang	158.258.873.359	65.427.232.177	64.792.584.177	-634.648.000	-634.648.000	0	0	158.258.873.359	634.648.000	0	0	0
1	Chi phí xây dựng, thiết bị	148.592.047.522	61.257.701.658	60.623.053.658	-634.648.000	-634.648.000	0	0	148.592.047.522	634.648.000	0	0	0
-	Gói thầu 01	148.592.047.522	61.257.701.658	60.623.053.658	-634.648.000	-634.648.000	0	0	148.592.047.522	634.648.000	0	0	0
2	Chi phí Ban QLDA	2.052.461.427							2.052.461.427				
3	Chi phí tư vấn	6.775.308.410	4.169.530.519	4.169.530.519	0	0	0	0	6.775.308.410	0	0	0	0
-	Tư vấn lập dự án	386.848.000	0	0	0	0	0	0	386.848.000	0	0	0	0
-	Tư vấn thiết kế BVTC + DT	2.329.958.790	2.329.958.790	2.329.958.790	0	0	0	0	2.329.958.790	0	0	0	0
-	Tư vấn khảo sát địa chất	339.574.750	0	0	0	0	0	0	339.574.750	0	0	0	0
-	Tư vấn khảo sát địa hình	124.870.263	0	0	0	0	0	0	124.870.263	0	0	0	0

TT	Nội dung	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến 31/12/2020 (đã bao gồm tạm ứng)	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác
						Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	10	11	12	13
-	Chi phí bảo vệ môi trường	104.500.000	0	0	0	0	0	0	104.500.000	0	0	0	0
-	Chi phí giám định thiết bị	148.225.000	0	0	0	0	0	0	148.225.000	0	0	0	0
-	Kiểm định chất lượng công trình	229.902.000	0	0	0	0	0	0	229.902.000	0	0	0	0
-	Chi phí kiểm định khung mái vì kèo	246.700.000	0	1.839.571.729	0	0	0	0	246.700.000	0	0	0	0
-	Thư tài tình cộc	391.470.495	0	0	0	0	0	0	391.470.495	0	0	0	0
-	Chi phí Giám sát xây dựng	1.839.571.729	1.839.571.729	1.839.571.729	0	0	0	0	1.839.571.729	0	0	0	0
-	Chi phí Giám sát thiết bị	193.676.381	0	0	0	0	0	0	193.676.381	0	0	0	0
-	Chi phí Đầu thầu	184.436.184	0	0	0	0	0	0	184.436.184	0	0	0	0
-	Thẩm tra thiết kế	129.672.084							129.672.084				0
-	Thẩm tra dự toán	125.902.734							125.902.734				0
4	Chi phí khác	839.056.000	0	0	0	0	0	0	839.056.000	0	0	0	0
B	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG CÒN LẠI	94.015.174.089	94.015.174.089	91.018.338.089	-2.996.836.000	-2.996.836.000	0	0	0	0	0	2.996.836.000	0
I	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	6.962.739.621	6.962.739.621	3.965.903.621	-2.996.836.000	-2.996.836.000	0	0	0	0	0	2.996.836.000	0
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)	4.695.961.545	4.695.961.545	2.313.670.545	-2.382.291.000	-2.382.291.000	0	0	0	0	0	2.382.291.000	0
-	Gói thầu số 3	4.456.181.666	4.456.181.666	2.252.992.666	-2.203.189.000	-2.203.189.000	0	0	0	0	0	2.203.189.000	0
-	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	239.779.879	239.779.879	60.677.879	-179.102.000	-179.102.000						179.102.000	
2	Đường và cầu cửa khẩu Quốc gia Giang Thành	2.266.778.076	2.266.778.076	1.652.233.076	-614.545.000	-614.545.000	0	0	0	0	0	614.545.000	0
1	Gói thầu số 1	2.266.778.076	2.266.778.076	1.652.233.076	-614.545.000	-614.545.000	0	0	0	0	0	614.545.000	0
II	UBND HUYỆN AN MINH	87.052.434.468	87.052.434.468	87.052.434.468	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Dự án xây dựng đường KTL, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	87.052.434.468	87.052.434.468	87.052.434.468	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu số 1	87.052.434.468	87.052.434.468	87.052.434.468	0	0	0	0	0	0	0	0	0
C	DỰ TOÁN	399.474.327.477	399.474.327.477	396.445.113.477	-3.029.214.000	-251.951.000	-2.777.263.000	0	0	0	0	0	0
I	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	219.445.379.938	219.445.379.938	217.775.958.938	-1.669.421.000	-188.956.000	-1.480.465.000	0	0	0	0	0	0
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)	202.149.647.363	202.149.647.363	200.875.402.363	-1.274.245.000	-1.274.245.000	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Chi phí xây dựng	194.998.570.950	194.998.570.950	193.724.325.950	-1.274.245.000	-1.274.245.000	0	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu số 03: Thi công XD phần đường và 02 cầu.	194.998.570.950	194.998.570.950	193.724.325.950	-1.274.245.000	-1.274.245.000	0	0	0	0	0	0	0
1.2	Chi phí tư vấn	5.513.282.413	5.513.282.413	5.513.282.413	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	1.735.515.300	1.735.515.300	1.735.515.300	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Chi phí thiết khảo sát lập thiết kế BYTC	1.216.173.427	1.216.173.427	1.216.173.427	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Chi phí giám sát thi công XDCT	2.561.593.686	2.561.593.686	2.561.593.686	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.3	Chi phí khác	1.637.794.000	1.637.794.000	1.637.794.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Nội dung	Số báo cáo	Giá trị được kiểm toán	Số kiểm toán	Chênh lệch	Trong đó			Đã thanh toán đến 31/12/2020 (đã bao gồm tạm ứng)	Đề xuất xử lý tài chính			Xử lý khác
						Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác		Thu hồi	Giảm cấp phát, thanh toán	Giảm giá hợp đồng còn lại	
A	B	1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	10	11	12	13
-	Chi phí trả phá bom mìn	1.637.794.000	1.637.794.000	1.637.794.000					0	0	0	0	0
2	Dự án đường và cầu cửa khẩu Quốc gia Giang Thành	17.295.732.575	17.295.732.575	16.900.556.575	-395.176.000	-188.956.000	-206.220.000	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu số 1	17.295.732.575	17.295.732.575	16.900.556.575	-395.176.000	-188.956.000	-206.220.000	0					
II	UBND HUYỆN AN MINH	180.028.947.539	180.028.947.539	178.669.154.539	-1.359.793.000	-62.995.000	-1.296.798.000	0	0	0	0	0	0
1	Dự án xây dựng đường KTL, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	180.028.947.539	180.028.947.539	178.669.154.539	-1.359.793.000	-62.995.000	-1.296.798.000	0	0	0	0	0	0
1.1	Chi phí xây lắp	173.429.923.130	173.429.923.130	172.133.125.130	-1.296.798.000	0	-1.296.798.000	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu số 1	173.429.923.130	173.429.923.130	172.133.125.130	-1.296.798.000	0	-1.296.798.000	0	0	0	0	0	0
1.2	Chi phí tư vấn	5.361.524.409	5.361.524.409	5.298.529.409	-62.995.000	-62.995.000	0	0	0	0	0	0	0
-	Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập dự án	484.470.644	484.470.644	421.475.644	-62.995.000	-62.995.000	0	0					
-	Gói thầu tư vấn thiết kế lập dự án đầu tư xây dựng công trình	408.073.500	408.073.500	408.073.500	0	0	0	0					
-	Gói thầu tư vấn thiết kế lập thiết kế bản vẽ thi công	4.468.980.265	4.468.980.265	4.468.980.265	0	0	0	0					
1.3	Chi Phí Khác	1.237.500.000	1.237.500.000	1.237.500.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-	Chi phí rà phá bom mìn	1.237.500.000	1.237.500.000	1.237.500.000	0	0	0	0					

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH CHI PHÍ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1256/QĐ-TTĐ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẠI TỈNH KIÊN GIANG

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung và nguyên nhân chênh lệch	Chênh lệch	Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác
	TỔNG CỘNG	3.354.752.083	2.874.008.083	480.744.000	-
A	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	1.634.339.000	1.153.595.000	480.744.000	-
I	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trèm)	1.243.153.000	966.547.000	276.606.000	-
1	Gói thầu số 3	1.239.422.000	962.816.000	276.606.000	-
*	Giảm do áp dụng sai định mức theo quy định của Thông tư 10/2019/TT-BXD	276.606.000	-	276.606.000	-
-	Giá trị khối lượng điều chỉnh theo Quyết định số 314/QĐ-SGTVT	31.837.000	-	31.837.000	-
-	Giá trị khối lượng phát sinh theo quyết định số 672/QĐ-SGTVT	244.769.000	-	244.769.000	-
*	Giảm do thanh toán sai khối lượng phát sinh tại quyết định số 889/QĐ-SGTVT	962.816.000	962.816.000	-	-
2	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	3.731.000	3.731.000	-	-
-	Giảm khối lượng phát sinh do đã trong phạm vi nhiệm vụ hợp đồng trọn gói	3.731.000	3.731.000	-	-
II	Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành	391.186.000	187.048.000	204.138.000	-
1	Gói thầu số 01: Xây dựng đường, cầu, vỉa hè, hệ thống thoát nước, hệ thống điện và cấp nước	391.186.000	187.048.000	204.138.000	-
*	Phát sinh theo Quyết định số 424/QĐ-SGTVT ngày 04/12/2018	261.358.000	187.048.000	74.310.000	-
-	Giảm do Theo hồ sơ thiết kế không có lớp tưới nhựa 1kg/m ² hạng mục Tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu Lượng nhựa 1kg/m ²	187.048.000	187.048.000	-	-
-	Giảm do chưa nhân với hệ số điều chỉnh nhân công (Knc=0,884) trong đơn giá nhân công bóc xếp vật liệu	26.701.000	-	26.701.000	-
-	Giảm do Áp dụng định mức đóng toàn bộ chiều dài cọc ngập đất là không phù hợp với hồ sơ thiết kế và thực tế thi công (tính trung bình 50% ngập đất, 50% không ngập đất) hạng mục thi công đóng cọc bạch đàn bê phân áp	47.609.000	-	47.609.000	-
*	Phát sinh theo Quyết định số 1130/QĐ-SGTVT ngày 22/11/2019	129.828.000	-	129.828.000	-
-	Dự toán chưa nhân với hệ số điều chỉnh nhân công (Knc=0,884) trong đơn giá nhân công bóc xếp vật liệu.	7.953.000	-	7.953.000	-
-	Tính thừa chi phí vận chuyển bằng đường bộ do giá trong CBG là giá bán trên phương tiện thủy của khách hàng (cước vận chuyển bằng đường thủy đã được tính riêng)	121.875.000	-	121.875.000	-
B	UBND huyện An Minh	1.085.765.083	1.085.765.083	-	-
	Dự án xây dựng đường KT1, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	1.085.765.083	1.085.765.083	0	0
1	Gói thầu số 1	1.034.743.000	1.034.743.000	0	0
-	Giảm do sai khối lượng nghiệm thu thanh toán				
+	Bê tông xi măng d _{xy} ≤ 25cm, đá 1x2 Mác 300 (không tính máy trộn BT)	480.945.000	480.945.000	0	0

TT	Nội dung và nguyên nhân chênh lệch	Chênh lệch	Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác
+	Làm móng lớp trên bằng cấp phối đá dăm đường làm mới	445.246.000	445.246.000	0	0
+	Rải giấy dầu lớp cách ly	108.552.000	108.552.000	0	0
2	Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập dự án	51.022.083	51.022.083	-	-
-	Giảm do sai khối lượng nghiệm thu thanh toán	51.022.083	51.022.083		
C	Sở Văn hóa và thể thao tỉnh Kiên Giang	634.648.000	634.648.000	0	0
	Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà thi đấu đa năng tỉnh Kiên Giang				
I	Gói thầu số 1	634.648.000	634.648.000	0	0
-	Giảm do phát sinh khối lượng thảm sân thi đấu Ultra top lớn hơn khối lượng theo yêu cầu thiết kế không đúng quy định 185m2 hạng mục thảm sân thi đấu Ultra top	486.426.000	486.426.000	0	0
-	Giảm do nghiệm thu thanh toán thảm sân bảo vệ lớn hơn so với diện tích thảm sân thi đấu Ultra top cần bảo với diện tích 334m2 Thảm bảo vệ	148.222.000	148.222.000	0	0

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG CÒN LẠI
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ
1256/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẠI
TỈNH KIÊN GIANG

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung và nguyên nhân chênh lệch	Chênh lệch	Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác
	Tổng cộng	2.996.836.000	2.996.836.000	-	-
A	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	2.996.836.000	2.996.836.000	-	-
I	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)	2.382.291.000	2.382.291.000	0	0
1	Gói thầu số 03	2.203.189.000	2.203.189.000	0	0
	Giảm do sai khối lượng	2.203.189.000	2.203.189.000	0	0
	1. Bổ sung rãnh dọc, cống dọc				
-	Đào móng công trình bằng máy đào, Máy <= 0,8m ³ chiều rộng móng <= 6m, đất cấp I	19.629.000	19.629.000		
-	Bê tông lót móng, chiều rộng <=250cm, đá 4x6 Mác 100	81.906.000	81.906.000		
-	Bê tông móng cấp, rãnh nước, đá 1x2 Mác 250	394.778.000	394.778.000		
-	Sản xuất lắp dựng cột thép móng cấp, rãnh nước, đường kính cốt thép <=10mm	103.353.000	103.353.000		
-	Sản xuất lắp dựng cột thép móng cấp, rãnh nước, đường kính cốt thép > 10mm	379.780.000	379.780.000		
-	Sản xuất lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép móng dài	151.624.000	151.624.000		
-	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2 Mác 250	153.680.000	153.680.000		
-	SXLD cốt thép bê tông đúc sẵn tấm đan, hàng rào, cửa sổ, lá chắn, nan hoa, con sơn, đường kính cốt thép <=10mm	121.140.000	121.140.000		
-	SXLD cốt thép bê tông đúc sẵn pa nen, đường kính cốt thép > 10mm	306.115.000	306.115.000		
-	SXLD, tháo dỡ ván khuôn kim loại cho cầu kiện BT đúc sẵn - ván khuôn tấm đan, tấm chắn	29.264.000	29.264.000		
-	Lắp pa nen bê tông đúc sẵn bằng máy	176.390.000	176.390.000		
-	Đắp đất công trình bằng đầm cóc Độ chặt yêu cầu K=0,95	18.148.000	18.148.000		
	2. Bổ via :		0		
-	Bê tông lót móng, chiều rộng <=250cm, đá 4x6 Mác 100	48.753.000	48.753.000		
-	Bê tông nền, đá 1x2 Mác 250	183.243.000	183.243.000		
-	Sản xuất lắp dựng tháo dỡ ván khuôn thép móng dài	1.322.000	1.322.000		
-	Sản xuất lắp dựng cốt thép móng, đường kính cốt thép <=10mm	2.160.000	2.160.000		
-	Sản xuất lắp dựng cốt thép móng, đường kính cốt thép <= 18mm	142.000	142.000		
-	Sản xuất cầu kiện thép đặt sẵn trong bê tông Khối lượng một cầu kiện <=10kg	2.631.000	2.631.000		
	3. Miếng xả rãnh : 2 cái		0		
-	Đóng cọc gỗ (hoặc cọc tràm) đ.kính 8-10cm, chiều dài cọc >2,5m Vào đất cấp I	22.588.000	22.588.000		
-	Bê tông lót móng, chiều rộng <=250cm, đá 4x6 Mác 100	351.000	351.000		
-	SXLD, tháo dỡ ván khuôn thép, cây chống gỗ cho bê tông đổ tại chỗ Tường, cột vuông, chữ nhật, xà dầm, giằng, cao <=16m	2.003.000	2.003.000		
-	Bê tông móng, rộng <=250cm, đá 1x2 Mác 200	4.189.000	4.189.000		

TT	Nội dung và nguyên nhân chênh lệch	Chênh lệch	Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác
2	Tư vấn khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư xây dựng công trình	179.102.000	179.102.000	-	-
-	Giảm do tính sai khối lượng	179.102.000	179.102.000		
II	Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành	614.545.000	614.545.000	-	-
1	Gói thầu số 1	614.545.000	614.545.000	-	-
	Kề gia cố chống sạt lở nền đường				
-	Giảm do chiều dài cọc đóng tính toán không phù hợp với hồ sơ thiết kế Cọc bê tông cốt thép (25x25x1180)cm, (30x30x1180)cm	570.874.000	570.874.000	-	-
+	SXLD tháo dỡ ván khuôn góc cho bê tông đúc sẵn cọc, cột	37.704.000	37.704.000		
+	SXLD cốt thép bê tông đúc sẵn cột, cọc, cừ, xà, dầm, giằng, đường kính cốt thép < 10mm	38.917.000	38.917.000		
+	SXLD cốt thép bê tông đúc sẵn cột, cọc, cừ, xà, dầm, giằng, đường kính cốt thép < 18mm	264.477.000	264.477.000		
+	Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn cọc, cột, đá 1x2 Mác 300	133.760.000	133.760.000		
+	Đóng cọc BTCT trên mặt nước bằng tàu đóng cọc <= 1,8T Chiều dài cọc <= 24m, kích thước cọc 30x30	96.016.000	96.016.000		
-	Giảm do thiết kế ngoài phạm vi dự án Đường dân sinh (quyết định 424)	43.671.000	43.671.000	-	-
+	Đào san đất trong phạm vi <= 100m, Máy ủi <= 75CV, đất cấp II	266.000	266.000		
+	Đắp đất công trình bằng đầm cóc Độ chặt yêu cầu K=0,90	288.000	288.000		
+	Làm móng lớp dưới bằng cấp phối đá dăm Đường làm mới	8.879.000	8.879.000		
+	Rải cao su lớp cách ly	1.116.000	1.116.000		
+	SXLD, tháo dỡ ván khuôn gỗ cho bê tông đổ tại chỗ nền, sân bãi, mặt đường bê tông, mái taluy và kết cấu bê tông tương tự	1.124.000	1.124.000		
+	Bê tông mặt đường dày <= 25cm, đá 1x2 Mác 250	31.998.000	31.998.000		

GIẢI THÍCH NGUYÊN NHÂN CHÊNH LỆCH DỰ TOÁN

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG GIAI ĐOẠN 2016-2020 THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1256/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH KIÊN GIANG

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung và nguyên nhân chênh lệch	Chênh lệch	Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác
	TỔNG CỘNG	3.029.214.000	251.951.000	2.777.263.000	0
A	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang	1.669.421.000	188.956.000	1.480.465.000	0
I	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trém)	1.274.245.000	0	1.274.245.000	0
1	Gói thầu số 1	1.274.245.000	0	1.274.245.000	0
*	<i>Đổi với khối lượng trong hợp đồng</i>	<i>837.721.000</i>	<i>-</i>	<i>837.721.000</i>	<i>-</i>
-	Giảm do tính lại chi phí bốc xếp vật liệu trong giá vật liệu đến chân công trình				
+	Cát đổ bê tông	38.918.000	0	38.918.000	0
+	Cát vàng	23.843.000	0	23.843.000	0
-	Giảm do áp dụng sai đơn giá hạng mục Lắp pa nen bê tông đúc sẵn bằng máy (rãnh)	774.960.000	0	774.960.000	0
*	<i>Đổi với khối lượng phát sinh</i>	<i>436.524.000</i>	<i>-</i>	<i>436.524.000</i>	<i>-</i>
-	Giảm do áp dụng sai định mức theo quy định của Thông tư 10/2019/TT-BXD				
-	<i>Phát sinh theo quyết định 627</i>				
+	Via hè				
	Lát gạch xi măng tự chèn chiều dày 3cm		0	-	0
	Làm móng lớp dưới bằng cấp phối đá dăm Đường làm mới		0	-	0
+	Bổ sung rãnh dọc				
	Lắp pa nen bê tông đúc sẵn bằng máy	128.675.000	0	128.675.000	0
	Bê tông mương cáp, rãnh nước, đá 1x2 Mác 250	45.070.000	0	45.070.000	0
	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2 Mác 250	26.896.000	0	26.896.000	0
	Bê tông nền, đá 1x2 Mác 250 (bó via)	21.895.000	0	21.895.000	0
-	<i>Phát sinh theo quyết định 889</i>				
	Rãnh dọc				
+	Lắp pa nen bê tông đúc sẵn bằng máy	131.376.000	0	131.376.000	0
+	Bê tông mương cáp, rãnh nước, đá 1x2 Mác 250	26.433.000	0	26.433.000	0
+	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2 Mác 250	13.289.000	0	13.289.000	0
+	Bê tông nền, đá 1x2 Mác 250 (bó via)	10.772.000	0	10.772.000	0
-	<i>Phát sinh theo quyết định 314 (hạng mục rãnh dọc)</i>				
	Rãnh dọc				
+	Lắp pa nen bê tông đúc sẵn bằng máy	12.266.000	0	12.266.000	0
+	Bê tông mương cáp, rãnh nước, đá 1x2 Mác 250	16.976.000	0	16.976.000	0
	A. Nâng rãnh từ Km10+268,6-Km10+318,6 : dài 32x2=64m				
	Lắp pa nen bê tông đúc sẵn bằng máy	2.423.000		2.423.000	
	Bê tông mương cáp, rãnh nước, đá 1x2 Mác 250	453.000		453.000	
II	Dự án Đường và cầu cửa khẩu Giang Thành	395.176.000	188.956.000	206.220.000	-
1	Gói thầu số 1	395.176.000	188.956.000	206.220.000	-
*	<i>Phát sinh theo Quyết định số 424/QĐ-SGTVT ngày 04/12/2018</i>				

TT	Nội dung và nguyên nhân chênh lệch	Chênh lệch	Sai khối lượng	Sai đơn giá	Sai khác
-	Giảm do Theo hồ sơ thiết kế không có lớp tưới nhựa 1kg/m ² hạng mục tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhựa pha dầu Lượng nhựa 1kg/m ²	188.956.000	188.956.000		
-	Dự toán chưa nhân với hệ số điều chỉnh nhân công (Knc=0,884) trong đơn giá nhân công bốc xếp vật liệu	26.973.000		26.973.000	
-	Dự toán áp dụng định mức đóng toàn bộ chiều dài cọc ngập đất là không phù hợp với hồ sơ thiết kế và thực tế thi công (tính trung bình 50% ngập đất, 50% không ngập đất) hạng mục Đóng cọc gỗ bằng máy, đóng trên mặt đất Chiều dài cọc ≤ 10 m, đất cấp I	48.095.000		48.095.000	
*	Phát sinh theo Quyết định số 1130/QĐ-SGTVT ngày 22/11/2019				
-	Dự toán chưa nhân với hệ số điều chỉnh nhân công (Knc=0,884) trong đơn giá nhân công bốc xếp vật liệu.	8.034.000		8.034.000	
-	Tính thừa chi phí vận chuyển bằng đường bộ do giá trong CBG là giá bán trên phương tiện thủy của khách hàng (cước vận chuyển bằng đường thủy đã được tính riêng)	123.118.000		123.118.000	
B	UBND huyện An Minh	1.359.793.000	62.995.000	1.296.798.000	0
I	Dự án xây dựng đường KT1, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	1.359.793.000	62.995.000	1.296.798.000	0
1	Gói thầu số 1	1.296.798.000	0	1.296.798.000	0
-	Giảm do áp dụng sai định mức bốc xếp vật liệu trong giá vật liệu cát đá đến chân công trình				
+	Phân đường	331.735.000	0	331.735.000	0
+	Phân cầu	111.594.000	0	111.594.000	0
-	Giảm do áp dụng sai giá vật liệu gỗ trong hạng mục bê tông mặt đường BTXM M300	468.708.000	0	468.708.000	0
-	Giảm do tính sai định mức vận chuyển bê tông xi măng	384.761.000	0	384.761.000	0
2	Gói thầu tư vấn khảo sát phục vụ lập dự án	62.995.000	62.995.000	0	0
-	Giảm khối lượng trắc ngang theo thiết kế	28.395.000	28.395.000	0	0
-	Giảm khối lượng lập phương án, báo cáo do đã trong thành phần công việc	18.774.000	18.774.000		
-	Giảm chi phí nhà tạm trong ứng	10.099.000	10.099.000		
-	Giảm chi phí dự phòng trong ứng	5.727.000	5.727.000		

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG NGHIỆM THU, QUYẾT TOÁN CHƯA VIẾT HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Tên nhà thầu	Mã số thuế Doanh nghiệp	Địa chỉ Doanh nghiệp	Giá trị nghiệm thu A-B đến 31/12/2020	Giá trị nghiệm thu, Quyết toán đã cung cấp Hóa đơn GTGT	Giá trị nghiệm thu, Quyết toán chưa cung cấp Hóa đơn GTGT	Số thuế GTGT tương ứng với giá trị nghiệm thanh toán chưa xuất hóa đơn	Ghi chú
A	B	C	D	E	1	2	3=1-2	4	5
	TỔNG CỘNG				72.149.334.826	62.758.105.200	9.391.229.626	853.748.182	0
A	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Kiên Giang				2.808.065.940	2.622.746.940	185.319.000	16.847.182	0
I	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 971 (đoạn từ QL 80 đến ngã ba Hòn Trẹm)								
1	Gói thầu số 1 tư vấn khảo sát thiết kế bản vẽ thi công	Liên danh Cty CP TV thiết kế & môi trường Bắc Việt; Cty CP tập đoàn TVĐT XD Kiên Giang	1700113586	34 Trần Phú thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang	2.808.065.940	2.622.746.940	185.319.000	16.847.182	
B	UBND huyện An Minh				69.341.268.886	60.135.358.260	9.205.910.626	836.901.000	0
	Dự án xây dựng đường KTL, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang								
1	Gói thầu số 1	Công ty TNHH Trường Phát	1700442767	434A đường Nguyễn Trung Trực, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	68.776.482.259	60.135.358.260	8.641.123.999	785.557.000	
2	Gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập dự án	Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư XD Trường Thịnh	1701296244	Lô 9-10, đường 3/2, khu 16ha, hoa biển, P Vĩnh Thanh Vân, TP.rạch giá, tỉnh Kiên Giang	440.427.858	0	440.427.858	40.039.000	
3	Gói thầu tư vấn Lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư XD Trường Thịnh	1701482057	170 Nguyễn trung trực, thành phố rạch giá, tỉnh Kiên Giang	9.273.000	0	9.273.000	843.000	
4	Bảo hiểm KGLD07.CAR.19.HD056	Công ty Bảo Việt Kiên Giang	0101527385029	11 Mậu Thân, phường Vĩnh Thanh, TP Rạch Giá, Kiên Giang	115.085.769	0	115.085.769	10.462.000	